

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24/3/2022

V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAİ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Hoàng Kim Tuấn.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Lý Ba Duy.

2. Ông Hà Văn Quyền.

Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Văn Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 146/2021/TLST – HNGĐ ngày 01/12/2021 về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Lý Thị L2 – Sinh năm 1982.

Địa chỉ: Xóm K1, xã LM, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Dao; Văn hóa: 06/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

(Có mặt)

*** Bị đơn:** Ông Triệu Tiến T1 – Sinh năm 1983.

Địa chỉ: Xóm K1, xã LM, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Dao; (Vắng mặt lần 2 không có lý do)

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:**

Ông Đào Anh V1. Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn bà Lý Thị L2 trình bày:**

Bà khởi kiện ông Triệu Tiến T1 - Địa chỉ: Xóm K1, xã LM, V, Thái Nguyên khởi kiện lý do xin ly hôn.

Bà và ông Triệu Tiến T1 lấy nhau và đăng ký kết hôn với nhau năm 2003 tại UBND xã LM, huyện V, Thái Nguyên.

Quá trình chung sống ông bà có 02 con chung là anh Triệu Văn N1 – Sinh ngày 05/07/2004 và cháu Triệu Văn N2 – Sinh ngày 21/8/2010.

Về tài sản chung: Bà không kê khai và không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Bà và ông T1 không vay ai và cho ai vay.

Về nguyên nhân xin ly hôn: Ban đầu lấy nhau hạnh phúc, có với nhau 02 mặt con, thời gian gần đây vợ chồng không hợp nhau, không còn tiếng nói chung nữa, xảy ra nhiều mâu thuẫn ông T1 thường xuyên vắng nhà, vợ chồng ly thân được 10 năm nay.

Nay bà yêu cầu Tòa án được ly hôn ông T1.

Về con chung: Bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Triệu Văn N1 – Sinh ngày 05/07/2004 và cháu Triệu Văn N2 – Sinh ngày 21/8/2010, nếu được nuôi con bà không yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn ông Triệu Tiến T1.** Sau khi Toà án thụ lý, Toà án đã tiến hành triệu tập, thông báo nhiều lần để ông T1 đến Toà án làm các thủ tục tố tụng theo quy định nhưng ông T1 trốn tránh không đến, ông T1 yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*** Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn – ông Đào Anh V1 trình bày:** Cuộc sống vợ chồng bà L2, ông T1 có xảy ra mâu thuẫn đã ly thân một thời gian, xét cuộc hôn nhân của bà L2 và ông T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, ông đề nghị Tòa án cho bà L2 được ly hôn ông T1. Về con chung: Các cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ, do đó cần giao cháu Triệu Văn N1 – Sinh ngày 05/07/2004 và cháu Triệu Văn N2 – Sinh ngày 21/8/2010 cho bà L2 trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông T1 vì bà L2 không yêu cầu. Bà L2 và ông T1 có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ mà vẫn vắng mặt và có mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn. Nên căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của đương sự trong vụ án dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, cụ thể:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị L2, yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với ông Triệu Tiến T1.

- Về quan hệ vợ chồng: Cho bà Lý Thị L2 được ly hôn ông Triệu Tiến T1.

- Về con chung: Giao cháu Triệu Văn N1 – Sinh ngày 05/07/2004 và cháu Triệu Văn N2 – Sinh ngày 21/8/2010 cho bà L2 trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông T1 vì bà L2 không yêu cầu. Bà L2 và ông T1 có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà L2 phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân gia đình, về việc ly hôn giữa bà Lý Thị L2 và ông Triệu Tiến T1.

[2] Về tư cách chủ thể: Bà Lý Thị L2 khởi kiện ông Triệu Tiến T1 nên bà Lý Thị L2 là nguyên đơn, ông Triệu Tiến T1 là bị đơn trong vụ án.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của bà L2: Ông T1 và bà L2 kết hôn năm 2003, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã LM, huyện V nên hôn nhân là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Triệu Văn N1 – Sinh ngày 05/07/2004 và cháu Triệu Văn N2 – Sinh ngày 21/8/2010.

Về nguyên nhân ly hôn: Theo bà L2 ban đầu lấy nhau hạnh phúc, có với nhau 02 mặt con, thời gian gần đây vợ chồng không hợp nhau, không còn tiếng nói chung nữa, xảy ra nhiều mâu thuẫn ông T1 thường xuyên vắng nhà, vợ chồng ly thân được 10 năm nay.

Theo biên bản xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp ly hôn của Tòa án tại địa phương xác định ông T1 và bà L2 có xảy ra mâu thuẫn, ông bà đã sống ly thân được 10 năm nay.

Xét cuộc hôn nhân giữa bà L2 và ông T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L2 đối với ông T1.

[4] Về con chung:

Ông T1 và bà L2 có 02 con chung là cháu Triệu Văn N1 – Sinh ngày 05/07/2004 và cháu Triệu Văn N2 – Sinh ngày 21/8/2010.

Bà L2 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu N1 và cháu N2. Đồng thời cả hai cháu có nguyện vọng được ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn.

Do vậy để đảm bảo lợi ích tốt N1 cho cháu N1 và cháu N2 cần giao các cháu cho bà L2 trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông T1 vì bà L2 không yêu cầu.

Ông T1 và bà L2 có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định.

[5] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Bà Lý Thị L2 phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[8] Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn tại phiên tòa là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228 và 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56; 58; 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Cho bà Lý Thị L2 được ly hôn ông Triệu Tiến T1.

2. Về con chung: Giao cháu Triệu Văn N1 – Sinh ngày 05/07/2004 và cháu Triệu Văn N2 – Sinh ngày 21/8/2010 cho bà Lý Thị L2 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông T1 vì bà L2 không yêu cầu.

Ông T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Bà L2 cũng như các thành viên trong gia đình không được cản trở ông T1 thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Triệu Văn N1 và Triệu Văn N2.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Bà Lý Thị L2 phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà Lý Thị L2 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V theo biên lai số 0004851 ngày 01 tháng 12 năm 2021.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.)

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện V;
- UBND xã LM;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Kim Tuấn